

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG MN TAM LẬP
Số: 24/TB-MNTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tam Lập, ngày 20 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo
dục mầm non; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non
Năm học 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Tam Lập công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non năm học 2024-2025 nội dung cụ thể như sau:

I. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

- Cán bộ quản lý: Tổng số: 2
- + Biên chế: 2 (Trình độ: Đại học: 2)
- Giáo viên: Tổng số: 12
- + Trong đó biên chế 12
- + Trình độ Đại học: 10, Cao đẳng: 1, Trung cấp: 01
- Nhân viên: Tổng số: 8
- + Biên chế: 2 (1 nhân viên y tế, 1 kế toán); Hợp đồng 111: 5 (3 cấp dưỡng, 2 bảo vệ, 1 phục vụ)
- + Trình độ: 1 Đại học (Kế toán), 1 trung cấp (y tế)

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt: $2/2=100\%$
- GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp là: 12
- + Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức tốt: $10/12=83.3\%$

+ Chuẩn nghề nghiệp GVMN mức khá: $2/12 = 16.7\%$

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

- 100% các bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Tổng diện tích trường: 17.356m², diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ là 163.7m²/1 trẻ cao hơn so với diện tích sử dụng đất bình quân tối thiểu 12 m²/trẻ đối với khu vực nông thôn.

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Trường có 6 phòng học kiên cố tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; có 11 khu vệ sinh cho giáo viên, học sinh.

- Phòng hành chính: 4 (1 phòng HT, 1 phòng PHT, 1 văn phòng, 1 phòng hành chính).

- Phòng âm nhạc: 1

- Phòng y tế: 1

- Phòng LQTA: 1

- Phòng vi tính: 1

- Bếp ăn 1 chiều: 1

- Phòng bảo vệ: 1

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- 6/6 nhóm lớp có đủ thiết bị, đồ dùng theo quy định.

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác

- Trường có số lượng đồ chơi ngoài trời (4 bộ) và thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch

cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 2.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá số 30/KH-MNTL ngày 20/9/2023.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

- Nhà trường được kiểm tra đánh giá và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2015, tái đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 781/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 23/3/2020 và đạt kiểm định cấp độ 2 theo quyết định 118/QĐ-SGDĐT ngày 10/3/2020 của Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Bình Dương.

4. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp (nếu có)

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:

Phối hợp với trung tâm ngoại ngữ Đại Bắc Âu thực hiện cho 59/106 trẻ mẫu giáo học chương trình làm quen với tiếng Anh.

II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

- Kế hoạch số 15/KH-MNTL ngày 07/06/2024. Kế hoạch tuyển sinh trẻ mầm non năm học 2024-2025.

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

- Kế hoạch số 46/KH-MNTL ngày 16/9/2024. Kế hoạch thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe trẻ năm học 2024-2025.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội

- Quy chế phối hợp số 25/QC- MNTL ngày 17/9/2024 của trường mầm non Tam Lập

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em

- Xây dựng thực đơn của bé hàng tuần, cân đối khẩu phần dinh dưỡng riêng cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo.

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có): Không

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước (Năm học 2023-2024)

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép)

- Nhà trường có: 5 lớp mẫu giáo và 01 nhóm trẻ. Tỷ lệ huy động: trẻ 2 tuổi: 7/56 đạt tỷ lệ: 15% giảm 2.1% so với năm trước. Trẻ 3-5 tuổi 154/62/165 đạt tỷ lệ 93% tăng 3% so với năm trước.

Tổng số trẻ của trường: 119/46 nữ /6 lớp. Giảm 2 trẻ so với năm học trước cụ thể:

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 2 lớp = 50/22 nữ, tỷ lệ bình quân 25 trẻ/lớp

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 2lớp = 38/11 nữ, tỷ lệ bình quân 19 trẻ/lớp

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 1 lớp 24/9 nữ.

+ Nhóm trẻ: 1 nhóm 7/4 nữ giảm 8 cháu so với năm trước.

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (không có)

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 119 trẻ

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 119 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 119 trẻ

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 61/61 trẻ. Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

f) Số trẻ em khuyết tật: Không có

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử;
- Niêm yết công khai tại bảng tin;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Mộng Thu

